

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: thôn G, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình; *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Phạm Đức T - Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Trọng S, sinh năm 1959; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Quách Chi N, sinh năm 1949; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Đinh Văn X1, sinh năm 1963; có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1961; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Anh Đinh Văn B, sinh năm 1981; có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Ông Đinh Văn T1, sinh năm 1952; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn D, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

***\* Người làm chứng:***

1. Ông Bùi Văn T2, sinh năm 1947; vắng mặt.

2. Ông Bùi Đình C1, sinh năm 1956; vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1969; vắng mặt.

4. Ông Trịnh Văn C2; vắng mặt.

5. Ông Mai Thanh T3; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn D, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại Đơn khởi kiện ngày 24/4/2024 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 15/5/2024, ngày 26/5/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Phạm Văn X trình bày:*

Ông Phạm Văn X vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Chủ tịch UBND xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Hủy Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 01/4/2024 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Ninh Bình về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

- Buộc Chủ tịch UBND xã G và Chủ tịch UBND huyện N giải quyết cho ông X, giao cho gia đình ông X:

+ Về phần đất bà Đỗ Thị C (vợ ông Đinh Văn X1) có đơn đề ngày 11/4/2023 gửi UBND xã G đề nghị cắt 52m<sup>2</sup> đất chiêm tại C để chuyển trả cho ông Phạm Văn X và đơn đề nghị ngày 11/4/2023 của anh Đinh Văn B (con trai ông Đinh Văn T1) có đơn đề nghị UBND xã G cắt 100m<sup>2</sup> đất 2 vụ ở khu Đ của gia đình ông T1 chuyển trả cho gia đình ông Phạm Văn X.

+ Giao phần đất đã cắt năm 2003 để làm đường giao thông còn lại giáp thửa đất 260 tờ bản đồ số 4 của ông X để làm đường giao thông xóm theo phương án dồn điền đổi thửa của thôn.

+ Về số đất 335m<sup>2</sup> ở Hang M giao cho ông X theo phương án, nhưng ông X chưa nhận, ông X đề nghị được chuyển về đất của ông Nguyễn Trọng S đang sử dụng thửa là 337m<sup>2</sup> tại thửa đất số 120, 121, 122 tờ bản đồ số 4, ở khu vực Sở Thị .

Lý do khởi kiện: Ông X không đồng ý với quyết định của Chủ tịch UBND xã G cũng như của Chủ tịch UBND huyện N giải quyết. Phần đất giáp thửa số 260 của gia đình ông X là hai thửa đất của UBND xã quản lý và thửa số 261 của gia đình ông Quách Chi N. Về phần diện tích đất của ông Nguyễn Trọng S tại thửa số 120, 121, 122 ông S đang sử dụng thửa. Do đó, ông X đề nghị UBND xã G chuyển 335m<sup>2</sup> đất ở H của ông X được giao theo phương án dồn điền đổi thửa chuyển về 03 thửa đất số 120, 121, 122 này của ông S ở khu vực S; Về phần đất mà bà C (vợ ông X1) và anh B (con trai ông T1) đã có đơn đề nghị gửi UBND xã trả lại 152m<sup>2</sup> đất cho ông X, nhưng UBND xã G không giải quyết trả diện tích đất đó cho ông X. Nên ông X yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Chủ tịch UBND xã G và hủy Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 01/4/2024 của Chủ tịch UBND huyện N và buộc Chủ tịch UBND xã G và Chủ tịch UBND huyện N giao trả phần đất trên cho ông X.

*\* Tại Văn bản số 1288a/UBND-TTr ngày 08/7/2024, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện N có ý kiến như sau:*

UBND huyện N nhận được đơn khiếu nại của ông Phạm Văn X đề ngày 24/12/2023. Sau khi xem xét đơn khiếu nại của ông X thuộc thẩm quyền giải quyết, ngày 05/01/2024 UBND huyện N đã thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông X và tiến hành xác minh nội dung khiếu nại theo quy định của pháp luật. Ông X khiếu nại đề nghị giao thửa 261, tờ bản đồ số 4, giáp cạnh thửa 260 của ông X cho gia đình ông X và thực hiện chuyển 335m<sup>2</sup> đất tại khu vực H của gia đình ông X về khu vực Sở Thị . Các nội dung đề nghị, khiếu nại của ông X đã được UBND xã G kiểm tra, rà soát và giải quyết:

Phương án dồn điền đổi thửa được thực hiện theo phương thức đất nông nghiệp phân làm 03 loại đất gồm: đất Chiêm (01 lúa), đất Mầu, đất Đ để giao cho các hộ dân và việc cắt 12m<sup>2</sup>/sào để thực hiện quy hoạch giao thông thủy lợi nội đồng. Ông X nhất trí với phương án dồn điền đổi thửa của thôn.

Kết quả giao đất cho ông Phạm Văn X sau khi dồn điền đổi thửa năm 2014.

Trước khi dồn điền đổi thửa gia đình ông Phạm Văn X có diện tích đất nông nghiệp là 4.953m<sup>2</sup>, được phân theo 03 nhóm đất để dồn điền đổi thửa, cụ thể gồm:

- Nhóm 01 đất Chiêm (xứ đồng Hang): có 09 thửa, diện tích là 3.314m<sup>2</sup>.

- Nhóm 02 đất Mầu (xứ đồng Sở Thị): có 09 thửa, diện tích là 1.420m<sup>2</sup>.
- Nhóm 03 đất Đồi (xứ đồng Hang Mõ): có 1 thửa, diện tích là 219m<sup>2</sup>.

Thực hiện phương án dồn điền đổi thửa: Sau khi đối trừ 163m<sup>2</sup> đất quy hoạch làm giao thông thủy lợi nội đồng, thì diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình ông X còn lại là 4.790m<sup>2</sup> và nhận thêm diện tích 50m<sup>2</sup> từ ông Bùi Văn H1 thì diện tích của gia đình ông X được giao theo phương án là 4.840m<sup>2</sup>.

Kết quả gia đình ông Phạm Văn X được UBND xã G, tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4 giao diện tích 5.021m<sup>2</sup> đất nông nghiệp, cụ thể gồm:

- Nhóm 01 đất Chiêm (xứ đồng H2): gia đình ông X được giao là 3.011m<sup>2</sup>.
- Nhóm 02 đất Mầu (xứ đồng Sở T4): gia đình ông X được giao là 1.675m<sup>2</sup>.
- Nhóm 03 đất Đồi (xứ đồng Hang Mõ): gia đình ông X được giao là 335m<sup>2</sup>.

Như vậy, căn cứ vào phương án dồn điền đổi thửa đã được nhân dân trên địa bàn thôn D đồng thuận (trong đó có ông Phạm Văn X), UBND xã G, tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4 đã giao cho ông X 03 loại đất về diện tích nhiều hơn so với phương án là 181m<sup>2</sup> (5.021m<sup>2</sup>/4.840m<sup>2</sup>), các quyền của ông X người sử dụng đất đã bảo đảm theo quy định.

Nội dung ông X đề nghị UBND xã G, tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4 giao thửa 261 của ông Quách Chi N, giáp cạnh thửa 260 của ông X cho gia đình ông X là không có cơ sở, vì diện tích đất nông nghiệp đã được giao đủ cho ông X, đối với các vị trí tiếp giáp thửa 260 của ông X đã được giao cho các hộ gia đình khác sử dụng ổn định từ năm 2014 đến nay, nên không giao về vị trí theo đề nghị trên của ông X.

Nội dung ông X đề nghị chuyển diện tích 335m<sup>2</sup> đất tại khu vực Hang Mõ của gia đình ông X về phần đất của ông Nguyễn Trọng S tại khu vực Sở Thị là không có cơ sở. Vì tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4 giao cho ông X 335m<sup>2</sup> tại khu vực Hang Mõ là theo đúng phương án. Lý do ông X đề nghị phải giao diện tích đất của ông Nguyễn Trọng S tại thửa 120, 121, 122 cho ông X bám dọc theo trục đường giao thông làm ảnh hưởng đến việc sản xuất của các hộ gia đình khác. Có 120/121 hộ dân thôn D có đất sản xuất nông nghiệp, đồng tình với kết quả dồn điền đổi thửa của tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4 và sử dụng ổn định, nhiều hộ đã được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi dồn điền đổi thửa.

Các nội dung đề nghị, khiếu nại của ông Phạm Văn X đã được Chủ tịch UBND xã G giải quyết tại Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu. Không đồng ý, ông X khiếu nại và đã được Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 01/4/2024 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Phạm Văn X, các quyền lợi của ông Phạm Văn X đã được Chủ tịch UBND xã G và Chủ tịch UBND huyện N xem xét giải quyết đảm bảo theo quy định.

Do đó, Chủ tịch UBND huyện N vẫn giữ nguyên Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 01/4/2024 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Phạm Văn X. Yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn X là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình bác nội dung khởi kiện của ông Phạm Văn X.

*\* Tại Văn bản số 43/UBND và Văn bản số 44/CT ngày 02/8/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, Chủ tịch UBND xã G là người bị kiện, đồng thời là người đại diện hợp pháp của UBND xã G là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ý kiến như sau:*

UBND xã G nhận được nội dung đề nghị, khiếu nại của ông Phạm Văn X về việc: UBND xã G không giao cho gia đình ông X thửa đất mà tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4 đã giao trái pháp luật cho ông Quách Chi N cụ thể là thửa 261 giáp với thửa 260 của nhà ông X và UBND xã G không thực hiện chuyển 335m<sup>2</sup> đất ở khu vực H của gia đình ông X về phần đất mà ông Nguyễn Trọng S lấy thửa tại thửa 120, 121, 122 ở khu vực Sở Thị . Các nội dung đề nghị, khiếu nại của ông X đã được UBND xã G kiểm tra, rà soát. Kết quả như sau: Việc xây dựng và thực hiện phương án dồn điền đổi thửa năm 2014.

Căn cứ Văn bản số 774/HD-SNN ngày 09/8/2013 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh N hướng dẫn về quy trình dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp gắn với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. Ngày 05/12/2013 UBND xã G xây dựng Phương án số 01/PA-UBND về dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới xã G giai đoạn 2010-2020 trong đó, giao cho tiểu ban dồn điền đổi thửa các thôn có trách nhiệm dồn ruộng đến từng hộ gia đình (phương án được UBND huyện N phê duyệt tại Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 17/6/2016); với phương án là Ban chỉ đạo của xã cùng với các tiểu ban dồn điền đổi thửa các thôn thống kê diện tích đất 313 của từng hộ gia đình (lấy diện tích dồn điền đổi thửa cân đối diện tích thực tế còn lại của từng hộ gia đình). Các bước tiến hành phải họp nhân dân và phải được nhân dân thông qua và có nghị quyết được biểu quyết.

Tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4 xã G đã xây dựng phương án dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp gắn với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2020. Trên cơ sở đồng thuận của người dân, phương án dồn điền đổi thửa được thực hiện theo phương thức đất nông nghiệp phân làm 03 loại đất gồm: đất Chiêm (1 lúa), đất Mầu, đất Đồi để giao cho các cá nhân, hộ gia đình và việc cắt 12m<sup>2</sup>/sào để thực hiện quy hoạch giao thông thủy lợi nội đồng. Tại các buổi làm việc, ông X nhất trí với phương án dồn điền đổi thửa của thôn D.

Kết quả giao đất cho ông Phạm Văn X sau khi dồn điền đổi thửa năm 2014.

Trước khi dồn điền đổi thửa ông Phạm Văn X có diện tích đất nông nghiệp là 4.953m<sup>2</sup>, phân theo 03 nhóm đất để dồn điền đổi thửa, cụ thể như sau:

- Nhóm 01 đất Chiêm (xứ đồng Hang): Diện tích là 3.314m<sup>2</sup>.
- Nhóm 02 đất Mầu (xứ đồng Sở Thị): Diện tích là 1.420m<sup>2</sup>.
- Nhóm 03 đất Đồi (xứ đồng Hang Mõ): Diện tích là 219m<sup>2</sup>.

Thực hiện phương án dồn điền đổi thửa: Sau khi đối trừ 163m<sup>2</sup> đất quy hoạch giao thông thủy lợi nội đồng thì diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình ông X còn lại là 4.790m<sup>2</sup> và cộng thêm diện tích 50m<sup>2</sup> nhận từ ông Bùi Văn H1 thì diện tích của gia đình ông X được giao theo phương án là 4.840m<sup>2</sup>.

Kết quả gia đình ông Phạm Văn X được UBND xã G, tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4 giao 5.021m<sup>2</sup> đất nông nghiệp, cụ thể:

- Nhóm 01 đất Chiêm (xứ đồng H2): gia đình ông X được giao là 3.011m<sup>2</sup>.
- Nhóm 02 đất Mầu (xứ đồng Sở T4): gia đình ông X được giao là 1.675m<sup>2</sup>.
- Nhóm 03 đất Đồi (xứ đồng Hang Mõ): gia đình ông X được giao là 335m<sup>2</sup>.

Như vậy, căn cứ vào phương án dồn điền đổi thửa đã được nhân dân trên địa bàn thôn D đồng thuận (trong đó có ông Phạm Văn X), UBND xã G, tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4 đã giao cho ông X 03 loại đất về diện tích nhiều hơn so với phương án là 181m<sup>2</sup> (5.021m<sup>2</sup>/4.840m<sup>2</sup>), các quyền của người sử dụng đất đã bảo đảm theo quy định.

Nội dung ông X đề nghị UBND xã G, tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4 giao thửa 261 của ông Quách Chi N, cạnh thửa 260 của ông X tờ bản đồ số 4 cho gia đình ông X là không có cơ sở, vì diện tích đất này đã được giao cho hộ gia đình khác sử dụng ổn định từ năm 2014 đến nay.

Nội dung ông X đề nghị chuyển 335m<sup>2</sup> đất tại khu vực Hang Mõ của gia đình ông X về phần đất của ông Nguyễn Trọng S tại thửa 120, 121, 122 ở khu vực S là không có cơ sở vì tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4 giao cho ông X 335m<sup>2</sup> tại khu vực Hang Mõ là theo đúng phương án. Có 120/121 hộ dân thôn D có đất sản xuất nông nghiệp, đồng tình với kết quả dồn điền đổi thửa của tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4 và sử dụng ổn định, nhiều hộ đã được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi dồn điền đổi thửa.

Các nội dung đề nghị, khiếu nại của ông Phạm Văn X đã được UBND xã G đã nhiều lần tổ chức đối thoại. Các quyền lợi của ông Phạm Văn X đã được UBND xã G xem xét giải quyết đầy đủ. Nội dung khiếu nại của ông X đã được Chủ tịch UBND xã G giải quyết tại Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Phạm Văn X. Do vậy, Chủ tịch UBND xã G vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết theo Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 15/12/2023

về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Phạm Văn X. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình bác nội dung khởi kiện của ông Phạm Văn X.

*\* Tại bản trình bày ý kiến ngày 12/8/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Chi N trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 261, tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính xã G là của bố mẹ ông N từ năm 1961, đến năm 1983 thì chuyển đổi sang tên ông N, diện tích 288m<sup>2</sup> khi xã mở đường giao thông cho rộng to ra thì gia đình ông N đã hiến đất để làm đường, không có đền bù chỗ khác. Số diện tích đất của nhà ông N còn lại 135m<sup>2</sup> (phía bên ngoài) giáp với thửa số 260 của gia đình ông X, gia đình ông N vẫn đang sử dụng không thừa không thiếu. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông X đề nghị UBND xã G giao phần diện tích đất còn lại của nhà ông N cho ông X, ông N không đồng ý, vì hiện nay gia đình ông N vẫn đang sử dụng.

*\* Tại bản trình bày ý kiến ngày 12/8/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng S trình bày:*

Thực hiện chủ trương dồn điền đổi thửa sản xuất nông nghiệp. Từ năm 2013 đến 2014 thành lập tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4 xã G, ông S là thành viên trong tiểu ban dồn điền đổi thửa từ năm 2014-2018, trong thôn D xã G có 121 hộ dân thuộc đất nông nghiệp nằm trong phương án dồn điền đổi thửa. Trong đó có 120/121 hộ dân đã ký nhận và hoàn thành việc dồn điền đổi thửa, chỉ duy nhất có gia đình nhà ông X là không đồng ý. Việc chuyển đổi đất giữa nhà ông S và nhà ông X là không liên quan đến nhau. Đối với nội dung ông X đề nghị chuyển 335m<sup>2</sup> đất tại khu vực Hang Mỏ của gia đình ông X về phần đất của gia đình ông S đang sử dụng thửa 337m<sup>2</sup> tại thửa 120, 121, 122 ở khu vực S, ông S không đồng ý, vì yêu cầu của ông X là không có cơ sở, vì tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4 giao cho gia đình ông X 335m<sup>2</sup> tại khu vực H là đúng theo phương án. Gia đình ông S đã sử dụng ổn định từ khi được chia giao ruộng theo phương án dồn điền đổi thửa của tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông X.

*\* Tại bản trình bày ý kiến ngày 12/8/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng bà Đỗ Thị C và ông Đinh Văn X1 trình bày:*

Năm 2003 giữa gia đình ông bà và gia đình ông X có thỏa thuận miệng với nhau về việc đổi đất, hai bên đã thống nhất với nhau là xong, không có việc thừa thiếu đất. Sau khi dồn điền đổi thửa xong, đến năm 2023 ông X cho rằng gia đình ông bà còn đang thiếu của gia đình ông X 52m<sup>2</sup> ở khu vực Sở Thị . Nội dung ông X đề nghị ông bà trả 52m<sup>2</sup> đất phát sinh sau thời điểm dồn điền đổi thửa năm 2013-2014 nên gia đình ông bà cam kết sau khi gia đình ông bà được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau dồn điền đổi thửa sẽ tự nguyện đề nghị cơ quan có thẩm quyền chuyển nhượng cho ông X 52m<sup>2</sup> đất Chiêm tại xứ đồng C. Mọi quyền lợi và

nghĩa vụ của gia đình ông bà không liên quan gì đến việc khởi kiện của ông X. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*\* Tại bản trình bày ý kiến ngày 12/8/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn T1 trình bày:*

Nội dung ông X đề nghị trả 100m<sup>2</sup> đất phát sinh sau thời điểm dồn điền đổi thửa năm 2013-2014, nên sau khi gia đình ông được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau dồn điền đổi thửa, sẽ tự nguyện đề nghị cơ quan có thẩm quyền chuyển nhượng cho ông X 100m<sup>2</sup> đất tại xứ Đầu Đồi. Mọi quyền lợi và nghĩa vụ của gia đình ông được đảm bảo, không liên quan gì đến việc khởi kiện của ông X. Đề nghị Tòa án bác nội dung khởi kiện của ông X.

*\* Tại đơn ngày 09/9/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Văn B trình bày:*

Ngày 11/4/2023 anh có viết đơn gửi UBND xã G để chuyển lại phần đất mà gia đình anh còn thiếu của gia đình ông X mà chưa chuyển được và chưa được giải quyết, về phần đất này anh vẫn giữ nguyên nội dung trong đơn đã gửi UBND xã G, mong Tòa án xem xét yêu cầu UBND xã G giải quyết cho gia đình ông X là cắt 100m<sup>2</sup> đất hai vụ ở khu vực Đ của gia đình anh để trả cho gia đình ông X, để gia đình ông X hoàn thành việc dồn điền đổi thửa.

*\* Những người làm chứng ông Bùi Văn T2, ông Bùi Đình C1, bà Phạm Thị V, ông Trịnh Văn C2, ông Mai Thanh T3 trình bày:*

Các ông bà trong tiểu ban dồn điền đổi thửa của thôn D, xã G. Thực hiện chủ trương của UBND huyện N và UBND xã G về việc dồn điền đổi thửa. Từ năm 2003 khi có kế hoạch dồn điền đổi thửa xã G là xã đầu tiên thực hiện dồn điền đổi thửa từ năm 2013-2014 thành lập tiểu ban dồn điền đổi thửa, bắt đầu từ năm 2014 tiến hành đo đạc. Trong thôn D có 121 hộ dân thuộc đất nông nghiệp của thôn D nằm trong phương án dồn điền đổi thửa, trong đó 120/121 hộ dân đã ký nhận việc dồn điền đổi thửa đã hoàn thành. Chỉ còn hộ gia đình ông Phạm Văn X chưa hoàn thành, tổng số thửa năm 2023 gia đình ông X dồn điền đổi thửa đợt 1 là 12 thửa, tổng diện tích là 5.760m<sup>2</sup> (cắt đất đào sông) đã được bồi thường 609m<sup>2</sup>, đất quy hoạch giao thông thủy lợi 169m<sup>2</sup>, còn lại 4.982m<sup>2</sup>, năm 2014 gia đình ông X nhận về 50m<sup>2</sup> của gia đình ông Bùi Văn H1 (vợ là bà Nguyễn Thị T5).

Tổng diện tích gia đình ông X được giao là 5.032m<sup>2</sup> được dồn thành 04 thửa (gồm: 03 thửa đất màu, mùa và 01 thửa đất chiêm), cụ thể:

- Thửa đất Chiêm: diện tích 3.011m<sup>2</sup> (ông X đã ký nhận)
- Thửa đất Màu, Mùa: diện tích 1.590m<sup>2</sup> khu vực Sở Thị .
- Thửa đất Màu, Mùa: diện tích 85m<sup>2</sup> khu vực Sở Thị .
- Thửa đất Màu: diện tích 335m<sup>2</sup> khu vực H.

Tổng diện tích thực giao 04 thửa là 5.021m<sup>2</sup>. Tiểu ban dồn điền đổi thửa giao thiếu 11m<sup>2</sup> do đo đạc thủ công (căng dây) nên có sự chênh lệch trên. Hiện tại 03 thửa đất màu, mùa ở khu vực S và H Mỗ gia đình ông X vẫn đang sử dụng nhưng chưa ký nhận. Lý do gia đình ông X chưa ký nhận 03 thửa đất Màu, M ở khu vực S và Hang Mỗ vì gia đình ông X yêu cầu tiểu ban dồn điền đổi thửa dồn toàn bộ thửa đất ở khu vực H Mỗ nhà ông X về khu vực Sở Thị, nhưng vì khu vực Sở T4 không còn đất để dồn nên không thể dồn cho gia đình ông X về khu vực Sở Thị được.

Ông X trình bày bà Đỗ Thị C (vợ ông Đinh Văn X1) và anh Đinh Văn B (con trai ông T1) đã có đơn đề nghị tiểu ban dồn điền đổi thửa chuyển lại diện tích đất giữa gia đình các ông đổi đất còn thiếu gia đình ông X 152m<sup>2</sup> cụ thể gia đình ông T1 cắt 100m<sup>2</sup> và gia đình bà C cắt 52m<sup>2</sup> cho gia đình ông X. Việc này tiểu ban dồn điền đổi thửa đã thực hiện xong việc dồn điền đổi thửa và được xã nghiệm thu vào ngày 17/12/2017. Do vậy, đơn đề nghị của anh Đinh Văn B (con trai ông T1) và bà Đỗ Thị C (vợ ông Đinh Văn X1) ngày 11/4/2023 có sau khi thực hiện xong việc dồn điền đổi thửa, không liên quan gì đến tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn D, xã G. Đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2024/HC-ST ngày 20/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã quyết định: Căn cứ khoản 1 khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 159, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 29, Điều 36 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; các Điều 17, Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại; điểm d khoản 1 Điều 1, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn X về việc đề nghị Tòa án:

- Hủy Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Chủ tịch UBND xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình về việc giải quyết khiếu nại lần đầu;

- Hủy Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 01/4/2024 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Ninh Bình về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

- Buộc Chủ tịch UBND huyện N và Chủ tịch UBND xã G giải quyết cho ông, giao cho gia đình ông X:

+ Về phần đất bà Đỗ Thị C (vợ ông Đinh Văn X1) có đơn đề ngày 11/4/2023 gửi UBND xã G đề nghị cắt 52m<sup>2</sup> đất Chiêm tại C để chuyển trả cho ông Phạm Văn

X; và đơn đề nghị ngày 11/4/2023 của anh Đinh Văn B (con trai ông Đinh Văn T1) có đơn đề nghị UBND xã G cắt 100m<sup>2</sup> đất 2 vụ ở khu Đ của gia đình ông T1 chuyển trả cho gia đình ông Phạm Văn X.

+ Giao phần đất đã cắt năm 2003 để làm đường giao thông liên thôn còn lại giáp thửa đất 260, tờ bản đồ số 4 của ông X để làm đường giao thông xóm theo phương án dồn điền đổi thửa của thôn.

+ Về số đất 335m<sup>2</sup> ở Hang M giao cho ông X theo phương án, nhưng ông X chưa nhận, ông X đề nghị được chuyển về đất ông Nguyễn Trọng S đang sử dụng thửa là 337m<sup>2</sup> tại thửa đất số 120, 121, 122 tờ bản đồ số 4, ở khu vực Sở Thị .

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02/10/2024, người khởi kiện là ông Phạm Văn X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Văn X vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Tôi không nhất trí với bản án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của tôi, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của tôi, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của tôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, bác kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Văn X; giữ nguyên Bản án hành chính số 08/2024/HC-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn X nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3; 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115; Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị C, ông Đinh Văn X1, ông Đinh Văn T1, anh Đinh Văn B đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; những người làm chứng là ông Bùi Văn T2, ông Bùi Văn C3, bà Phạm Thị V, ông Trịnh Văn C2, ông Mai Thanh T3 đều vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 159 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Phạm Văn X:

Xét về tính hợp pháp của quyết định hành chính bị kiện:

[2.1]. Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại:

Ngày 19/10/2023 ông X có đơn khiếu nại, sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông X, UBND xã G đã thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông X. Ngày 15/12/2023 Chủ tịch UBND xã G ban hành Quyết định số 157/QĐ-UBND trả lời khiếu nại của ông X đảm bảo đúng quy định tại Điều 31 Luật Khiếu nại. Ngày 24/12/2023 ông X có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện N, sau khi nhận được đơn khiếu nại (lần 2) của ông X để khiếu nại với Quyết định số 157/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND xã G. Ngày 05/01/2024 UBND huyện N đã thụ lý giải quyết đơn của ông X và tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại. Ngày 01/4/2024 Chủ tịch UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 1590/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông X (lần 2) là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành theo quy định tại Điều 33, Điều 40 Luật Khiếu nại; Điều 17, khoản 2 Điều 18, Điều 27, Điều 31, khoản 1 Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 204 Luật Đất đai năm 2013 về thẩm quyền giải quyết là của Chủ tịch UBND xã G và Chủ tịch UBND huyện N.

[2.2]. Về nội dung các quyết định hành chính bị kiện:

Ngày 19/10/2023 ông X có đơn khiếu nại về việc “UBND xã G không giao cho gia đình ông X thửa đất số 261 mà tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4 đã giao trái pháp luật cho ông Quách Chi N giáp với thửa 260, tờ bản đồ số 4 của gia đình ông X”. Ngày 09/8/2013, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh N có Văn bản số 774/HD-SNN hướng dẫn về quy trình dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp. Ngày 05/12/2013 UBND xã G xây dựng Phương án số 01/PA-UBND về dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp, xã G được UBND huyện N phê duyệt tại Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 17/6/2016. Ngày 10/3/2014 tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn D xã G đã

xây dựng dự kiến phương án dồn điền đổi thửa giai đoạn 2013-2020 để lấy ý kiến nhân dân, phương án xác định: “sau khi dồn điền đổi thửa mỗi hộ chỉ còn 3-4 thửa đất để sản xuất, vận động các hộ gia đình, cá nhân tự nguyện góp một phần diện tích ( $12\text{m}^2/\text{sào}$ ) đất nông nghiệp để xây dựng giao thông thủy lợi nội đồng, diện tích đất được chia thành 05 loại từ A1 đến A5 để giao cho các hộ”. Trên cơ sở ý kiến và sự đồng thuận của nhân dân, Tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4 xã G quyết định phương án dồn điền đổi thửa của thôn theo phương thức đất nông nghiệp chia làm 03 loại gồm: đất Chiêm (1 lúa), đất Mầu, đất Đồi để giao cho các hộ dân, cắt  $12\text{m}^2/\text{sào}$  để quy hoạch làm giao thông thủy lợi nội đồng. Tại các buổi làm việc với tổ xác minh năm 2014, ông X khẳng định ông X hoàn toàn nhất trí với phương án dồn điền đổi thửa của thôn D xã G.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện N cấp ngày 08/2/1999 mang tên ông Phạm văn X được quyền sử dụng  $7.040\text{m}^2$  đất gồm: Thửa số 250, tờ bản đồ số 4, diện tích  $1.238\text{m}^2$  (đất ở  $351\text{m}^2$ , đất vườn  $887\text{m}^2$ ) 18 thửa đất nông nghiệp tổng diện tích  $5.802\text{m}^2$ , trong đó có thửa số 260, tờ bản đồ số 4, diện tích  $138\text{m}^2$  đất Mùa (trong dồn điền đổi thửa là ở khu vực xứ đồng Sở Thị) thửa 627, tờ bản đồ số 2, diện tích  $219\text{m}^2$  đất Mầu (trong dồn điền đổi thửa là khu vực xứ đồng Hang Mõ).

Thực hiện công tác dồn điền đổi thửa năm 2003, ông X đã chuyển đi 05 thửa tổng diện tích  $1.252\text{m}^2$  và nhận về 10 thửa tổng diện tích  $1.424\text{m}^2$ . Sau khi thực hiện chuyển đổi với các cá nhân, hộ gia đình trong thôn thì ông X có 21 thửa đất, tổng diện tích  $5.562\text{m}^2$ . Sau khi thực hiện dồn điền đổi thửa năm 2003 gia đình ông X sử dụng ổn định và không có ý kiến gì về diện tích đất. Quá trình sử dụng đất từ năm 2003 đến trước tháng 7/2014 diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông X bị giảm  $609\text{m}^2$  do Nhà nước thu hồi và đã được bồi thường. Diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông X trước khi dồn điền đổi thửa năm 2014 là  $4.953\text{m}^2$  ( $5.562-609$ ) được phân theo 03 nhóm đất để dồn điền đổi thửa gồm: Nhóm đất Đồi (xứ đồng Hang M1) có 01 thửa là thửa đất số 627, tờ bản đồ số 2, diện tích  $219\text{m}^2$ ; nhóm đất Chiêm (xứ đồng H2) có 09 thửa đất diện tích  $3.314\text{m}^2$ , nhóm đất Mầu (xứ đồng Sở T4) có 09 thửa đất diện tích  $1.420\text{m}^2$  (trong đó có thửa đất số 260, tờ bản đồ số 4, diện tích  $138\text{m}^2$ ).

Thực hiện phương án dồn điền đổi thửa, gia đình ông X bị trừ  $163\text{m}^2$  đất quy hoạch làm giao thông thủy lợi nội đồng và nhận  $50\text{m}^2$  đất từ ông Bùi Văn H1 nên gia đình ông X được giao đất nông nghiệp diện tích  $5.041\text{m}^2$  ( $4.840\text{m}^2 - 163\text{m}^2 + 50\text{m}^2$ ) cụ thể gồm: Nhóm đất Chiêm xứ đồng Hang: theo phương án  $3.204\text{m}^2$  ( $3.314\text{m}^2 - 110\text{m}^2$  diện tích làm giao thông thủy lợi), được giao diện tích  $3.011\text{m}^2$  (giảm  $193\text{m}^2$  làm giao thông thủy lợi), ông X hoàn toàn nhất trí. Nhóm đất Mầu xứ đồng Sở Thị: Theo phương án  $1.424\text{m}^2$  ( $1.420\text{m}^2 - 46\text{m}^2$  diện tích làm giao thông thủy lợi, cộng

50m<sup>2</sup> nhận chuyển nhượng của hộ ông Bùi Văn H1), được giao 1.675m<sup>2</sup> tăng 251m<sup>2</sup> tại 02 thửa (01 thửa diện tích 1590m<sup>2</sup> ông X nhất trí, 01 thửa diện tích 85m<sup>2</sup> là thửa đất số 260 tờ bản đồ số 4 diện tích 138m<sup>2</sup> khi dồn điền đổi thửa bị cắt 53m<sup>2</sup> để làm giao thông thủy lợi). Nhóm đất Đồi xú đồng Hang Mồ: Theo phương án diện tích 212m<sup>2</sup> (219m<sup>2</sup> - 7m<sup>2</sup> làm giao thông thủy lợi), được giao 335m<sup>2</sup> tăng 123m<sup>2</sup> ông X chưa nhất trí nhận phần diện tích đất này do UBND xã G, tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4 chưa giải quyết nội dung bù diện tích đất đã cắt làm giao thông thủy lợi tại thửa số 260 của gia đình ông X và chuyển diện tích 335m<sup>2</sup> đất về khu vực Sở Thị với lý do diện tích đất trên xa nhà, khó khăn cho sản xuất. Tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4 đã giao cho gia đình ông X 03 loại đất là đảm bảo theo phương án, diện tích 5.041m<sup>2</sup> (hơn diện tích 4.480m<sup>2</sup> theo Phương án).

Như vậy, nội dung ông X khiếu nại về việc UBND xã G không giao cho gia đình ông X thửa đất 261 mà tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4 đã giao trái pháp luật cho ông Quách Chi N giáp cạnh thửa 260 của nhà ông X. Ông X đề nghị UBND xã G, tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4 bù phần diện tích đã bị trừ làm giao thông thủy lợi tại vị trí giáp bên thửa đất số 260 của ông X là thửa số 261. Xét thấy: Do thửa số 261 giáp thửa số 260 của ông X trước khi dồn điền đổi thửa là của gia đình ông Quách Chi N đã được giao sử dụng theo sổ mục kê năm 1994 của UBND xã G thể hiện thửa đất số 261 diện tích 135m<sup>2</sup> đất Màu chủ sử dụng đất ghi tên Quách Chi N. Vì vậy, Tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn 4 đã giao thửa số 261 cho gia đình ông Quách Chi N sử dụng ổn định từ năm 2014 đến nay nên không cấp bù diện tích đất cho ông X về vị trí thửa số 261 là đúng quy định. Ngoài ra, ông X khởi kiện yêu cầu UBND xã G bù phần diện tích đã bị trừ làm giao thông thủy lợi tại vị trí giáp bên thửa đất số 260 của ông, tuy nhiên xác định việc các hộ gia đình tự nguyện hiến đất làm đường giao thông thì không được cấp bù đất nên Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu này của ông X là có căn cứ.

[2.3]. Nội dung ông X khiếu nại đề nghị UBND xã G không thực hiện chuyển 335m<sup>2</sup> đất tại khu vực Hang Mồ của gia đình ông X về phần đất của ông Nguyễn Trọng S lấy thửa tại thửa 120, 121, 122 ở khu vực S: Tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn D giao cho ông X diện tích 335m<sup>2</sup> tại khu vực Hang Mồ là theo đúng phương án; vì năm 1993 và năm 2003 gia đình ông X có 02 thửa đất, gồm thửa 627, tờ bản đồ số 2, diện tích 219m<sup>2</sup>, thửa 628, tờ bản đồ số 2, diện tích 366m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, năm 2003 dồn điền đổi thửa ông X đã chuyển đổi thửa 628, diện tích 366m<sup>2</sup>, hiện chỉ còn lại thửa 627, diện tích 219m<sup>2</sup>, nên UBND xã G không chấp nhận đề nghị của ông X. Do vậy, UBND xã G không thực hiện chuyển 335m<sup>2</sup> đất ở khu vực H của gia đình ông X về phần đất của ông Nguyễn Trọng S tại thửa 120, 121, 122 ở khu vực Sở Thị. Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu của ông X, UBND xã G đã chấp nhận nội dung khiếu nại của ông X về yêu cầu chuyển diện tích 335m<sup>2</sup> đất ở khu vực H

của ông X về khu vực S để thuận lợi cho gia đình ông X sản xuất, nhưng chỉ đồng ý cắt một phần thửa 9, tờ bản đồ số 35 bản đồ địa chính xã G lập năm 2021 ở khu S, diện tích 264m<sup>2</sup> của ông S đang sử dụng đất của UBND xã. Nhưng ông X không nhất trí mà đề nghị được chuyển 335m<sup>2</sup> đất ở khu vực H của ông X về vị trí đất của ông S ở khu vực S (lý do ông X đề nghị giao đất cho ông X bám dọc theo trục đường giao thông), điều đó làm ảnh hưởng đến việc sản xuất của các hộ gia đình khác, đồng thời thôn D xã G có 120/121 hộ dân có đất sản xuất nông nghiệp, đồng tình với kết quả dồn điền đổi thửa và sử dụng ổn định, nhiều hộ gia đình đã được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau dồn điền đổi thửa. Do đó, ngày 15/12/2023 Chủ tịch UBND xã G ban hành Quyết định số 157 và Chủ tịch UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 1590 về việc giải quyết khiếu nại của ông X lần hai là đúng quy định theo Điều 31, Điều 40 Luật Khiếu nại nên ông X yêu cầu Tòa án huỷ 02 quyết định trên là không có căn cứ.

[2.4]. Đối với yêu cầu của ông X buộc Chủ tịch UBND huyện N và Chủ tịch UBND xã G giải quyết cho ông X về diện tích 152m<sup>2</sup> đất: Ông X cho rằng ông T1, ông X1 chuyển đổi đất cho gia đình ông X năm 2003 khi dồn điền đổi thửa, nhưng UBND xã G không giao cho gia đình ông X. Xét thấy: Ngày 27/2/2024 UBND xã G làm việc với anh B (con ông T1) và bà C (vợ ông X1) về việc UBND xã nhận được đơn của anh B, bà C đề ngày 11/4/2023 đề nghị UBND xã cắt diện tích 152m<sup>2</sup> của hai gia đình ông X, tại buổi làm việc anh B có ý kiến không nhất trí cắt 100m<sup>2</sup> đất của gia đình cho ông X, bà C ý kiến sau khi gia đình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau khi dồn điền đổi thửa) bà C sẽ tự nguyện đề nghị cơ quan có thẩm quyền chuyển nhượng 52m<sup>2</sup> đất Chiêm tại xứ đồng Cửa Đền cho ông X. Ngày 01/3/2024 anh B có đơn gửi Tổ xác minh đề nghị giữ nguyên quan điểm đồng ý cắt 100m<sup>2</sup> đất của gia đình anh (ông T1) cho ông X. Do việc đổi đất này là thỏa thuận dân sự của các bên, phát sinh sau thời điểm thực hiện phương án dồn điền đổi thửa của thôn D, xã G nên UBND xã không giao diện tích 152m<sup>2</sup> đất trên cho gia đình ông X khi dồn điền đổi thửa là có căn cứ.

[3]. Ông X kháng cáo nhưng tại cấp phúc thẩm, ông X không cung cấp thêm các tài liệu chứng cứ khác để chứng minh cho yêu cầu của mình.

[4] Về án phí: Ông Phạm Văn X là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Phạm Văn X;
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2024/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.
3. Về án phí: Ông Phạm Văn X được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.
4. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Việt Hà**